

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 03 năm 2016

DANH MỤC ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ NĂM 2017

(Kèm theo Công văn số/QĐ-DHĐN, ngày 14 tháng 03 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đề tài	Chủ nhiệm	Tính cấp thiết	Mục tiêu và nội dung chính	Dự kiến sản phẩm, kết quả, hiệu quả dự kiến đạt được	Thời gian	Kinh phí			Ghi chú
							Tổng cộng	NS	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1.	Ảnh hưởng của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản của cổ phiếu công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	TS. Đặng Tùng Lâm	Quan hệ giữa nhà đầu tư tổ chức và thanh khoản của cổ phiếu do chính các nhà đầu tư tổ chức nắm giữ là một chủ đề thuộc lĩnh vực tài chính nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu học thuật trên thế giới. Tồn tại hai giả thuyết khác nhau liên quan đến ảnh hưởng của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản của cổ phiếu. Giả thuyết thứ nhất (còn được gọi là giả thuyết hiệu ứng thông tin) lập luận rằng nhà đầu tư tổ	<p>Mục tiêu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được tác động của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản của cổ phiếu của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. - Chỉ ra được các hàm ý về mặt chính sách và quản trị từ kết quả nghiên cứu. <p>Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích mối quan hệ giữa nhà đầu tư tổ chức và thanh khoản cổ phiếu dựa trên cơ sở 	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm khoa học: + 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế (dự kiến thuộc danh mục SCOPUS hoặc danh mục ABDC). + Có ít nhất 1 bài báo khoa học đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước. + 1 sách chuyên khảo. - Sản phẩm đào tạo: + Hướng dẫn 1 học viên cao học hoặc góp phần tham gia 	2017-2018	150	150		

		<p>chức có lợi thế về mặt thông tin, dẫn đến tình trạng bất cân xứng thông tin trên thị trường, do vậy làm giảm đi thanh khoản của cổ phiếu (Grossman và Stiglitz, 1980; Glosten và Milgrom, 1985; Kyle, 1985). Ngược lại, giả thuyết thứ hai (còn được gọi là giả thuyết hiệu ứng giao dịch) tranh luận rằng bởi vì nhà đầu tư tổ chức thường xuyên quay vòng danh mục đầu tư của họ, thanh khoản của cổ phiếu sẽ gia tăng (Demsetz, 1968; Merton, 1987; Schwartz và Shapiro). Do vậy, ảnh hưởng thật sự của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào tầm quan trọng tương đối của hiệu ứng thông tin hay hiệu ứng giao dịch, và đây là một câu hỏi cần được nghiên cứu thực nghiệm.</p> <p>Mặc dù mối quan hệ giữa nhà đầu tư tổ chức và thanh khoản của cổ phiếu do chính các nhà đầu tư tổ chức nắm giữ đã</p>	<p>khảo sát, đánh giá các nghiên cứu đã được thực hiện ở các quốc gia trên thế giới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các phương pháp phân tích định lượng thích hợp để làm rõ tác động của mỗi nhóm nhà đầu tư tổ chức; ví dụ: nhà đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư trong nước; nhà đầu tư với sở hữu khối, nhà đầu tư với sở hữu phân tán.v.v.đến thanh khoản cổ phiếu. - Phân tích các kết quả nghiên cứu để từ đó rút ra các hàm ý chính sách và quản trị. - Dữ liệu nghiên cứu bao gồm dữ liệu về sở hữu của nhà đầu tư tổ chức trong các công ty niêm yết, dữ liệu kế toán trên các báo cáo tài chính của công ty niêm yết, và dữ liệu giao dịch cổ phiếu của các nhà đầu tư tổ chức. Mẫu nghiên cứu bao gồm toàn bộ công ty niêm yết trên hai Sở Giao dịch Chứng khoán 	<p>đào tạo tiến sĩ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm ứng dụng: + Báo cáo phân tích và các khuyến nghị về sở hữu của nhà đầu tư tổ chức trong các công ty niêm yết. <p>Hiệu quả dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ mối quan hệ giữa nhà đầu tư tổ chức, của mỗi nhóm nhà đầu tư tổ chức, và thanh khoản cổ phiếu. Điều này sẽ giúp các công ty trong việc xác định một cấu trúc sở hữu thích hợp, cân bằng giữa chi phí và lợi ích nhằm làm tăng giá trị của công ty. - Kết quả của nghiên cứu cũng sẽ cung cấp những hàm ý về mặt chính sách, tạo cơ sở cho các cơ quan quản lý nhà nước xây dựng các chính sách nhằm ổn 					
--	--	--	---	---	--	--	--	--	--

		<p>được nghiên cứu thực nghiệm ở một số quốc gia đơn lẻ trên thế giới (chủ yếu ở Mỹ), kết quả từ các nghiên cứu này không hoàn toàn thống nhất với nhau. Thêm vào đó, thậm chí nếu tác động của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản cổ phiếu được ghi nhận một cách nhất quán trên một số nước nhất định, sự khác nhau về môi trường thể chế, môi trường thông tin và cơ chế quản trị công ty giữa các quốc gia có thể dẫn đến ảnh hưởng của nhà đầu tư tổ chức đến thanh khoản cổ phiếu sẽ khác nhau hoặc không tồn tại trên các quốc gia khác nhau. Cho đến nay, chưa có một nghiên cứu nào về vấn đề này được ghi nhận tại Việt Nam.</p> <p>Dựa vào rằng thanh khoản cổ phiếu là một nhân tố quan trọng đảm bảo cho việc thực hiện tốt chức năng của thị trường chứng khoán, nghiên cứu này do vậy có</p>	<p>TP.Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Khoảng thời gian mẫu dự kiến bắt đầu từ 2007 và được cập nhật đến gần nhất (dự kiến 2015). Dữ liệu sẽ được cung cấp bởi Stoxplus, một công ty hàng đầu Việt Nam chuyên thu thập và cung cấp các dữ liệu kinh tế và tài chính cho các mục đích nghiên cứu học thuật và phân tích kinh doanh.</p>	<p>định và gia tăng hiệu quả của thị trường, để thị trường chứng khoán thật sự là kênh dẫn vốn hiệu quả cho nền kinh tế.</p>					
--	--	---	---	--	--	--	--	--	--

			ý nghĩa cả về mặt học thuật và thực tiễn, và đặc biệt có nhiều hàm ý đối với Việt Nam trong bối cảnh tái cấu trúc doanh nghiệp cũng như làm thế nào gia tăng hiệu quả của thị trường chứng khoán đang là một vấn đề cấp thiết.							
2.	Phát triển mô hình trải nghiệm đồng sáng tạo cho du lịch Đà Nẵng	PGS.TS. Phạm Thị Lan Hương	Để giữ chân du khách ở lại lâu hơn và quay trở lại, duy trì du khách cũ cũng chính là một cách thức hiệu quả để thu hút du khách mới thông qua Marketing truyền miệng. Đà Nẵng cần phát triển một mô hình du lịch trải nghiệm đồng sáng tạo ở nhiều loại hình: biển, sinh thái, văn hóa, khoa học công nghệ, ẩm thực, thể thao, giải trí. <i>Mô hình này được tạo nên bởi các thành phần sản phẩm du lịch kết hợp tạo thành một chuỗi sản phẩm sáng tạo nhằm gia tăng tối đa những trải nghiệm độc đáo và đáng nhớ cho du khách khi đến Đà Nẵng, đồng thời cần đảm bảo nguyên tắc phát triển bền</i>	<p>1. Mục tiêu</p> <p><i>Mục tiêu khái quát:</i> Phát triển một mô hình du lịch trải nghiệm đồng sáng tạo cho Đà Nẵng hướng đến thị trường khách quốc tế và nội địa, với nhiều loại hình: biển, sinh thái, văn hóa, khoa học công nghệ, ẩm thực, thể thao, giải trí; trong đó tập trung vào loại hình biển và sinh thái, ưu tiên khai thác tối đa các tài nguyên du lịch hiện có, đồng thời đảm bảo nguyên tắc phát triển bền vững trong du lịch.</p> <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i> + Xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm đồng sáng tạo cho Đà</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng quan tài liệu nghiên cứu về du lịch trải nghiệm đồng sáng tạo. - Báo cáo thực trạng thu hút khách du lịch của điểm đến Đà Nẵng. - Báo cáo tổng kết đề tài - 01 bài báo quốc tế đăng trên hệ thống ABDC (Australian Business Deans Council) - 01 bài báo trong nước) 	2017-2018	400	400		

			<i>vững.</i>	<p>Năng (tập trung vào các lợi thế mạnh là du lịch biển & sinh thái), ưu tiên khai thác tối đa các tài nguyên du lịch hiện có.</p> <p>+ Triển khai mô hình trải nghiệm đồng sáng tạo thành các sản phẩm du lịch cụ thể.</p> <p>2. Nội dung chính</p> <p><i>Nội dung 1:</i> Tổng hợp cơ sở lý luận về các khái niệm cơ bản liên quan đến du lịch trải nghiệm đồng sáng tạo, cách thức phát triển và truyền thông mô hình trải nghiệm đồng sáng tạo, tổng hợp bài học kinh nghiệm của các nước trên thế giới và trong khu vực.</p> <p><i>Nội dung 2:</i> Phân tích thực trạng thu hút khách của điểm đến Đà Nẵng.</p> <p><i>Nội dung 3:</i> Phát triển mô hình trải nghiệm đồng sáng tạo cho du lịch Đà Nẵng.</p>						
3.	Định hướng và giải pháp phát triển quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất	TS. Đặng Thị Thu Trang	Quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hay giữa các đối tác đã được nghiên cứu khá bài bản	Đề tài có các mục tiêu chính sau: - Mục tiêu thứ nhất: Tăng cường quan hệ	Sản phẩm khoa học: -Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài: 01 bài	2017-2018	250	250		

	<p>nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam</p>		<p>về lý thuyết cũng như ứng dụng thực tiễn ở nhiều quốc gia trên thế giới (Anderson & Narus, 1990; Hanna & Walsh, 2008; Huybers & Bennett, 2003; Lane & Bachmann, 1997; Morgan & Hunt, 1994; Rosenfeld, 1996). Vai trò của hợp tác giữa các hãng ngày càng trở nên quan trọng, đặc biệt giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế sâu rộng: sự hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) vào cuối năm 2015 với lộ trình tự do hoá dịch vụ logistics vào năm 2013 và nhất là Việt Nam sẽ sớm tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP). Thực tế cho thấy kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam đang tăng nhanh: tính đến tháng 9/2015, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá cả nước</p>	<p>hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu thứ hai: Giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam - Mục tiêu thứ ba: Giảm rủi ro và tổn thất trong vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu của Việt Nam - Mục tiêu thứ tư: Nâng cao năng lực cạnh tranh cho hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế - Mục tiêu thứ năm: Cải thiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của cả doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu và doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam <p>Nội dung chính của đề tài như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thứ nhất: (1) Tìm hiểu các nhân tố chính ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giữa 	<p>báo đăng trên tạp chí ISI hoặc Scopus, hoặc trong danh mục của Hội đồng chức danh giáo sư.</p> <ul style="list-style-type: none"> -Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học kinh tế hoặc Tạp chí nghiên cứu kinh tế -Số lượng sách xuất bản: 01 sách tham khảo liên quan đến logistics và thương mại quốc tế <p>Sản phẩm đào tạo: số lượng thạc sĩ: 01.</p> <p>Sản phẩm ứng dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu này sẽ đề xuất những nhân tố chính ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics ở Việt Nam. Đặc biệt là: - Định hướng giải 					
--	---	--	---	--	--	--	--	--	--	--

		<p>đạt xấp xỉ 230 tỷ USD, tăng 12,9 % so với cùng kỳ năm 2014. Đặc biệt, Việt Nam đã có những mặt hàng xuất khẩu kỹ lục như gạo, cà phê, nông thủy sản... Có được thành quả này một phần nhờ vào sự phát triển của dịch vụ logistics Việt Nam trong thời gian qua. Trong khi đó, về phần mình, các nhà xuất nhập khẩu cũng là những người cung cấp việc làm cho những công ty logistics. Sự thay đổi của chủ hàng do vậy là một trong những nhân tố chính thúc đẩy sự phát triển của ngành logistics. Tuy nhiên, so với các nước phát triển trên thế giới, và kể cả so với một số quốc gia trong khu vực ASEAN, chất lượng dịch vụ logistics Việt Nam chưa cao đã ảnh hưởng không tốt đến hoạt động xuất nhập khẩu. Vì thế, hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics có thể là giải</p>	<p>các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam (chẳng hạn như lợi ích từ hợp tác, niềm tin giữa các đối tác, sự cam kết giữa các đối tác, đặc điểm của các đối tác); (2) Làm rõ tầm quan trọng cũng như lợi ích của việc liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam; (3) Nghiên cứu các đặc điểm của doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam (Quy mô của doanh nghiệp, đặc điểm sản phẩm, sự hiện đại hoá của doanh nghiệp, danh tiếng của doanh nghiệp, định hướng chiến lược của doanh nghiệp, sự đầu tư của doanh nghiệp) và các đặc điểm của doanh nghiệp logistics Việt Nam (Quy mô của doanh nghiệp, danh tiếng của doanh nghiệp, tình hình thị trường của doanh nghiệp, định hướng chiến lược của</p>	<p>pháp cho Chính phủ, chính quyền địa phương và chủ doanh nghiệp logistics cũng như các đơn vị sử dụng dịch vụ logistics (doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp sản xuất)</p> <p>- Những đóng góp liên quan đến mô hình hợp tác giữa các doanh nghiệp trên</p> <p>Nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics nói chung</p> <p>Nghiên cứu này cũng có ý nghĩa thú vị cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics ở các quốc gia có điều kiện kinh tế, xã hội tương tự Việt Nam.</p> <p>Các sản phẩm khác:</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài, các giải pháp phát triển quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp</p>					
--	--	--	--	---	--	--	--	--	--

		<p>pháp hữu hiệu. Hợp tác hiệu quả giữa các doanh nghiệp này sẽ góp phần giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong ngành với những giải pháp giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, các giải pháp quản lý rủi ro, giảm tổn thất trong vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu thông qua dịch vụ đại lý hải quan...</p> <p>Việt Nam được đánh giá là quốc gia có điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý vô cùng thuận lợi để phát triển ngành logistics với bờ biển dài khoảng 3.260 km trải dài từ Bắc đến Nam, trên 17.000 km đường nhựa, hơn 3.200 km đường sắt, 42.000 km đường thủy, 266 cảng biển, 20 sân bay và hàng trăm cửa khẩu quốc tế, nằm ở trung tâm khu vực châu Á – Thái Bình Dương... Tuy nhiên tiềm năng và lợi thế này chưa được phát huy đúng</p>	<p>doanh nghiệp, sự đầu tư của doanh nghiệp).</p> <p>- Nội dung thứ hai: (1) Phân tích các nhân tố khiến chi phí logistics Việt Nam tăng cao; (2) Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam; (3) Phân tích hiệu quả đầu tư, khai thác và quản lý kho bãi tại Việt Nam; (4) Nghiên cứu các loại phí liên quan như: phụ phí xăng dầu, phụ phí bảo đảm container, phí truyền dữ liệu, phí lưu bãi... và nhiều phụ phí khác; (5) Nghiên cứu những vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng logistics phục vụ xuất nhập khẩu.</p> <p>- Nội dung thứ ba: Nghiên cứu các loại rủi ro liên quan: các rủi ro về giao hàng sai cũng như lưu kho không hợp lý hay nhầm lẫn...</p> <p>- Nội dung thứ tư: (1) Nghiên cứu tác động của chất lượng dịch vụ</p>	<p>xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics.</p> <p>Hiệu quả dự kiến:</p> <p>- Hiệu quả kinh tế trực tiếp của việc thực hiện đề tài: đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm tăng cường liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics ở Việt Nam góp phần giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp này.</p> <p>- Hiệu quả của việc thực hiện đề tài đối với lĩnh vực kinh tế, xã hội: giúp tạo việc làm, tạo ngành nghề mới trong lĩnh vực logistics và kinh doanh xuất nhập khẩu, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế xã hội</p>					
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

		<p>mức, đặc biệt trong việc phát triển dịch vụ logistics hỗ trợ xuất nhập khẩu. Theo nhiều nhà nghiên cứu, điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thiếu sự gắn kết giữa các doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Mặt khác, nghiên cứu tại các quốc gia phát triển và ngay cả trong khu vực cho thấy, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu luôn đàm phán và tìm ra các phương thức mua bán hàng hoá mà người bán tìm mọi cách để đưa hàng hoá đến tận cửa của người mua kể cả việc trả thuế quan nhập khẩu... tạo ra chuỗi cung ứng ổn định và bền vững mà người mua sẵn sàng chấp nhận, trong khi đó các chủ hàng Việt Nam thì làm ngược lại. Thêm vào đó, tập quán mua CIF bán FOB khiến các doanh nghiệp Việt Nam chỉ khai thác vận tải và bảo hiểm được từ 10 đến</p>	<p>logistics, tính chuyên nghiệp của các doanh nghiệp logistics đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế; (2) Tìm hiểu vấn đề về dịch vụ logistics liên quan đến tối ưu hóa chi phí, thời gian và giá cả phù hợp với từng loại hàng hóa.</p> <p>- Nội dung thứ năm: (1) Chỉ ra những cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xuất nhập khẩu và doanh nghiệp logistics Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế sâu rộng của Việt Nam; (2) Nghiên cứu những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp trên.</p>						
--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

			<p>18% lượng hàng hoá xuất nhập khẩu. Rõ ràng là việc đẩy mạnh liên kết các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics là chìa khoá để nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng giá trị của thương mại. Do đó, cần phải nghiên cứu về mặt thực tiễn để tìm ra các nhân tố chính ảnh hưởng đến quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics. Trong khuôn khổ này, nghiên cứu xây dựng mô hình những nhân tố tác động đến quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và logistics sẽ làm tiền đề cho việc đưa ra các định hướng và giải pháp nhằm phát triển quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp này.</p>							
4.	<p>Nghiên cứu tác động của dịch vụ logistic đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất - Khảo sát tại Vùng kinh tế trọng điểm</p>	<p>GS.TS Nguyễn Trường Sơn</p>	<p>Logistics là quá trình kiểm soát dòng dịch chuyển vật chất từ đầu vào đến đầu ra của một doanh nghiệp. Hoạt động này chiếm khoảng 21% doanh thu tiêu thụ và có</p>	<p>- Mục tiêu tổng quát của đề tài là lượng hóa sự tác động của các dịch vụ logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất hệ thống các giải</p>	<p>- Sản phẩm khoa học: + 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài (dự kiến Asia Pacific Journal of Marketing and</p>	<p>2017-2018</p>	<p>150</p>	<p>150</p>	<p>0</p>	

	miền Trung		<p>ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>Trên thế giới, đã có khá nhiều nghiên cứu định lượng nhằm chỉ rõ mối liên hệ và sự tác động của logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên do điều kiện tổ chức sản xuất, trình độ quản trị doanh nghiệp có khoảng cách khá xa nên khó có thể sử dụng các mô hình tác động đó trong điều kiện của Việt Nam.</p> <p>Tại các tỉnh miền Trung, phần lớn các doanh nghiệp chưa hiểu rõ và chưa ý thức được việc sử dụng dịch vụ nhằm giảm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh. Hệ thống các doanh nghiệp cung ứng logistics phát triển tự phát, chưa tập trung vào các dịch vụ doanh nghiệp cần, chất lượng dịch vụ thấp, tác động của dịch vụ đến hiệu quả của doanh nghiệp do vậy cũng rất hạn chế.</p>	<p>pháp nhằm tăng cường tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của các dịch vụ logistics đối với hiệu quả hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp tại Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.</p> <p>Các nội dung nghiên cứu chính của đề tài sẽ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp tài liệu, xây dựng cơ sở lý thuyết về tác động của dịch vụ logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; - Xây dựng mô hình lý thuyết và thang đo tác động của dịch vụ logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất. - Điều tra xã hội học nhằm hiệu chỉnh và kiểm định mô hình, thang đo tác động của logistics đối với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tại miền Trung; - Đề xuất các chính sách, giải pháp nhằm 	<p>Logistics; ISSN: 1355 -5855; Scopus; hoặc International Journal of BuinessEconomics and Law (ISSN 2289 – 1552)</p> <ul style="list-style-type: none"> + 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước (theo danh mục tính điểm của HĐCDGSNN); + Xuất bản 1 cuốn sách chuyên khảo. - Đào tạo 1 thạc sĩ; - Sản phẩm ứng dụng: <p>Mô hình và thang đo sự tác động của logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất tại miền Trung;</p> <p>Kiến nghị các chính sách và giải pháp nhằm phát triển Logistic cho các doanh nghiệp và nhà quản lý tại miền Trung.</p>					
--	------------	--	--	--	---	--	--	--	--	--

			<p>Để góp phần tăng cường nhận thức, tạo động lực sử dụng các dịch vụ logistics nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp; để giúp các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ định hướng đúng chiến lược phát triển việc nghiên cứu nhằm lượng hóa, đưa ra các bằng chứng thuyết phục về sự tác động của logistics đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp sản xuất, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ logistics dựa trên các bằng chứng xác thực này có ý nghĩa vô cùng quan trọng.</p>	<p>gia tăng tác động tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của dịch vụ logistics đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tại miền Trung.</p>						
--	--	--	---	---	--	--	--	--	--	--

Danh sách này có 04 đề tài.

Tổng kinh phí dự kiến: 950 triệu đồng